

Bản án số: 119/2021/HS-ST

Ngày 14-10-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Càn;
2. Ông Phạm Văn Châu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021; Thông báo về việc tạm dừng xét xử số 02/2021/TB-HS ngày 21/6/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 16/2021/TB-HS ngày 30/9/2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn B**, sinh năm 1975 tại Thanh Hóa; thường trú: Tổ 1, khu phố P, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1927 (đã chết); có vợ tên Trịnh Thị Th1, sinh năm 1981 và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

**2. Bùi Thị Tuyết H**, sinh năm 1996 tại Bình Thuận; thường trú: Tổ 1, khu phố P, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn P, sinh năm 1971 (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1972; có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

**- Người làm chứng:**

- + Ông Trần Phi V; vắng mặt;
- + Bà Văn Thị Hồng Tr; vắng mặt;
- + Bà Thạch Thị Ngọc H2; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn B và Bùi Thị Tuyết H là hàng xóm nên quen biết nhau. H là chủ cơ sở nhóm trẻ Ph thuộc khu phố P, phường Th, thị xã T. Ông Trần Phi V và bà Thạch Thị Ngọc H quen với H, cả hai sinh sống làm việc tại phường Th nhưng không đăng ký tạm trú.

Khoảng tháng 3/2019, B gặp một nam thanh niên (không rõ lai lịch) làm nghề ép dẻo giấy tờ ở tiệm photocopy của B tại khu phố B, phường B, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. Người này cho biết, ngoài ép dẻo còn làm giả các loại giấy tờ.

Ngày 15/6/2019, ông V và bà H2 đến nhà nhờ H xin cho con của ông V là cháu Trần Lý Gia H1 và con của bà H2 là cháu Dương Ngọc Phú Q vào học Trường Tiểu học Th thuộc phường Th. H liên hệ với nhà trường được biết trường đang còn thiếu chỉ tiêu học sinh. H bảo ông V và bà H2 chuẩn bị hồ sơ nhập học gồm: Giấy khai sinh, đơn xin xác nhận tạm trú, sổ hộ khẩu. Do ông V và bà H2 không đăng ký tạm trú tại phường Th nên nhờ H làm giúp đơn xin xác nhận tạm trú. Sau đó, H đến hỏi B có làm được giấy xác nhận tạm trú không, B trả lời làm được đồng thời yêu cầu H cung cấp giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông V và bà H2, giấy khai sinh của hai cháu, kèm theo ảnh màu 3x4 của ông V, bà H2, cháu H1, cháu Q. Chi phí làm một đơn xin xác nhận tạm trú là 400.000 đồng. H gọi điện thoại báo cho ông V và bà H2 chuẩn bị các giấy tờ nêu trên. Ngày 07/7/2019, ông V và bà H2 đến nhà giao cho H các giấy tờ và ảnh theo yêu cầu, rồi H giao lại cho B. Sau khi nhận giấy tờ và ảnh, B mang về tiệm photocopy của mình gặp nam thanh niên trước đây nhận làm giả giấy tờ giao cho người này để làm giả đơn xác nhận tạm trú cho ông V, bà H2, đồng thời giao 600.000 đồng cho người này.

Ngày 08/7/2019, nam thanh niên mang 02 đơn xác nhận tạm trú, 02 chứng minh nhân dân và 02 giấy khai sinh (bản chính) đến đưa cho B tại tiệm photocopy, B mang những giấy tờ này về nhà tại phường Th. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H đến nhà B nhận 02 đơn xác nhận tạm trú và giao cho B 800.000 đồng. Ngày 09/7/2019, H đem 02 bộ hồ sơ xin nhập học trong đó có 02 đơn xin xác nhận tạm trú đến Trường Tiểu học Th gặp bà Văn Thị Hồng Tr là Hiệu trưởng của trường để xin nhập học cho hai cháu H1 và Q. Qua kiểm tra, bà Tr phát hiện Trưởng công an phường Th trên mộc dấu là Nguyễn Hoài Ph trong khi Trưởng Công an phường hiện tại là ông Nguyễn Kim S nên bà Tr báo cho Công an phường Th biết. Công an phường tiến hành mời H về trụ sở làm việc, H khai nhận hành vi nhờ B làm giả 02 đơn xin xác nhận tạm trú. Công an phường đã

xác lập hồ sơ tin báo và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Kết luận giám định số 194/GĐ-PC09 ngày 09/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “\*CÔNG AN THỊ XÃ T – T.BÌNH DƯƠNG \*CÔNG AN PHƯỜNG TH” trên 02 Đơn xin xác nhận tạm trú mang tên Thạch Thị Ngọc H2 đề ngày 04/7/2019 và Trần Phi V đề ngày 20/6/2019 không phải do cùng một con dấu đóng ra và được làm giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Bản Cáo trạng số 122/CT-VKSTU ngày 25/05/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn B và Bùi Thị Tuyết H về tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị Tuyết H mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B nộp lại số tiền 200.000 đồng thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người làm chứng. Xét thấy, việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, căn cứ Điều

293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, trước sau thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như tang vật chứng thu giữ trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 09/7/2019, Bùi Thị Tuyết H có hành vi nhận làm giả 02 đơn xin xác nhận tạm trú của Công an phường Th, sau đó giao lại cho Nguyễn Văn B để B nhờ nam thanh niên (không rõ lai lịch) làm giả 02 đơn xin xác nhận tạm trú. Ngày 09/7/2019, H nộp 02 đơn xin xác nhận tạm trú vào Trường Tiểu học Th với mục đích xin nhập học cho cháu Trần Lý Gia H1 và Dương Ngọc Phú Q thì bị phát hiện.

Theo Kết luận giám định số 194/GĐ-PC09 ngày 09/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương hình dấu tròn của Công an phường Thái Hoà trên 02 Đơn xin xác nhận tạm trú mang tên Thạch Thị Ngọc H2 đề ngày 04/7/2019 và Trần Phi V đề ngày 20/6/2019 được làm giả bằng phương pháp in phun màu điện tử. Do đó, hành vi của các bị cáo phạm vào tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài liệu, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm, đều có vai trò giúp sức cho đối tượng không rõ nhân thân làm 02 đơn xin xác nhận tạm trú có hình dấu tròn giả. Tuy nhiên, bị cáo B trực tiếp thoả thuận, giao dịch việc làm giả và có hưởng lợi nên mức hình phạt phải cao hơn bị cáo H. Bị cáo H thực hiện tội phạm do phụ huynh của học sinh nhờ vả và không có hưởng lợi nên hình phạt nhẹ hơn bị cáo B.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy hai bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội. Do đó, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[9] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Nguyễn Văn B hưởng lợi từ việc làm giả 02 đơn xin xác nhận tạm trú số tiền 200.000 đồng, đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo nộp lại số tiền này để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[10] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B và Bùi Thị Tuyết H phạm tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức”.

#### *1. Về trách nhiệm hình sự:*

1.1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án (14/10/2021).

*Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho UBND phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.*

*Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

1.2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Tuyết H 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án (14/10/2021).

*Giao bị cáo Bùi Thị Tuyết H cho UBND phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.*

*Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

2. *Về biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp lại số tiền 200.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn B và Bùi Thị Tuyết H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND phường Th;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Trí**